

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST

Ngày: 12/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Hùng
2. Ông Trần Văn Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm; Bà Trần Thị Minh T - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2025/TLST-HS ngày 08/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 28/5/2025, xử công khai, trực tuyến:

Điểm cầu trung tâm đặt tại: Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre;

Điểm cầu thành phần đặt tại: Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành N, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số A, đường L, phường A, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 079087011075; danh chỉ bản số: 76 lập ngày 21/3/2025 tại Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: không;

Tiền sự: Quyết định về việc áp dụng Biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở Cai nghiện bắt buộc Số 293/2020/QĐ-TA ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đưa Nguyễn Thành N vào Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức thời hạn 23 tháng do có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 07/8/2022;

Nhân thân:

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 176/2007/HSST ngày 19/12/2007 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Nguyễn Thành N 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 33/2008/HSST ngày 12/3/2008 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Nguyễn Thành N 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp với Bản án Hình sự sơ thẩm số 176/2007/HSST ngày 19/12/2007 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo chấp hành chung của 02 bản án là 08 năm tù, chấp hành xong bản án ngày 02/10/2015.

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 125/2024/HSST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt Nguyễn Thành N 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đối với hành vi “Cướp giật tài sản” bị cáo thực hiện vào ngày 10/01/2024 (trước vụ án này 01 ngày) tại ấp G, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang,

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam T4 đóng tại huyện T, tỉnh Long An từ ngày 12/01/2024.

2. Võ Minh S, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số D, đường L, phường A, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 079096036745; danh chỉ bản số: 77 lập ngày 21/3/2025 tại Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Minh T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: không;

Tiền sự: có 01 tiền sự: Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở Cai nghiện bắt buộc Số 229/QĐ-TA ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh đưa Võ Minh S vào Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thời hạn 22 tháng do có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 09/11/2022;

Nhân thân:

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 120/2013/HSST ngày 17/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Võ Minh S 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (phạm tội khi chưa thành niên);

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 10/2014/HSST ngày 19/02/2014 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Võ Minh S 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong bản án ngày 12/11/2014.

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 125/2024/HSST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt Võ Minh S 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đối với hành vi “Cướp giật tài sản” bị cáo thực hiện vào ngày 10/01/2024 (trước vụ án này 01 ngày) tại ấp G, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam T4 đóng tại huyện T, tỉnh Long An từ ngày 12/01/2024.

- Bị hại:

1. Lê Thành T2, sinh năm 1967; nơi cư trú: số H, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1970; nơi cư trú: số H, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thuận A; nơi cư trú: số A, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1981; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. Lạc Thanh B, sinh năm 1956; nơi cư trú: số B, đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

Người tham gia tố tụng khác có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh B:

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Sơn T3 - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 – Kiểm sát viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/01/2024, Nguyễn Thành N và Võ Minh S, uống nước tại quán nước giải khát (không nhớ tên) trên vỉa hè đường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, N và S bàn bạc thống nhất với nhau là cùng nhau về các tỉnh Miền Tây tìm tài sản của người khác để cướp giật tài sản. Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 11/01/2024, S và N đến địa phận tỉnh Bến Tre, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: Exciter, Biển số: 59L3 - 463.91 do S đứng tên chờ N lưu thông trên đường V thuộc tuyến Quốc lộ F hướng từ V xoay Phường F về cầu H. Đến địa phận ấp P, xã B, thành phố B, N thấy ông Lê Thành T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, Biển số: 71H9 - 3789 chờ sau bà Nguyễn Thị Ngọc G (là vợ ông T2) đang lưu thông cùng chiều phía trước S và N. Ông T2 mặc áo sơ mi không cài khuy áo cổ hàng thứ nhất để hở cổ và ngực, N nhìn thấy trên cổ ông T2 có đeo sợi dây chuyền bằng kim loại dạng mắt xích, màu vàng, Nam nảy sinh ý định giật sợi dây chuyền của ông T2. N nói với S “Có hai vợ chồng chạy xe Airblade có đeo sợi dây chuyền” S đồng ý nên cả hai cùng có ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền của ông T2. S điều khiển xe vào lề đường bên phải theo hướng lưu thông đợi ông T2 chạy xe qua, S hỏi N “Phải chiếc xe Airblade đó không”, N trả lời “Đúng”. S tiếp tục điều khiển xe đuổi theo xe ông T2, khi đuổi kịp S cho xe áp sát bên trái xe ông T2, N ngồi sau dùng tay phải giật sợi dây chuyền ông T2 đang đeo trên cổ nhưng N giật không đứt được sợi dây chuyền, bị giật mạnh khiến ông T2 mất lái, cả 2 người và xe ngã xuống đường, ông T2 và bà G bị xây xát nhẹ, S tăng tốc và điều khiển xe chở N tẩu thoát về hướng Cầu H. Do

Phòng C Công an tỉnh B nhận được thông tin của Công an thành phố M, tỉnh Tiền Giang về việc hệ thống Camera an ninh của thành phố M ghi nhận thông tin 02 đối tượng đã thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” vào ngày 10/01/2024 tại ấp G, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, đang điều khiển xe mô tô Biển số 59L3 - 463.91 qua cầu R đến tỉnh Bến Tre. Phòng C Công an tỉnh B, Lực lượng Cảnh sát hình sự Công an thành phố B và Lực lượng Cảnh sát hình sự Công an huyện C, tỉnh Bến Tre tiến hành tuần tra, đón lỏng đối tượng điều khiển xe mô tô Biển số 59L3 - 463.91, đến Đường V thuộc tuyến Quốc lộ F thuộc địa phận ấp P, xã B, thành phố B, phát hiện S điều khiển xe mô tô Biển số 59L3 - 463.91 chở N ngồi sau, N có hành vi giật sợi dây chuyền của ông T2 nên tiến hành truy đuổi đến địa phận xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nhưng mất dấu vết của S và N. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, do trước đó N và S đã thực hiện hành vi Cướp giật tài sản xảy ra vào ngày 10/01/2024 tại ấp G, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên khi N và S đang trên đường lẩn trốn ở khu vực xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì bị Công an thành phố M phối hợp Công an Thành phố B bắt giữ và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M thụ lý, giải quyết.

Hiện trường vụ án xảy ra tại Đường V thuộc tuyến Quốc lộ F hướng từ V xoay Phường F, thành phố B đi Cầu H, thuộc địa phận ấp P, xã B, thành phố B; vị trí S và N thực hiện hành vi cướp giật tài sản cách lề bên phải của Đường V 3,3 mét, cách trụ đèn Số 72 về hướng T 8.9 mét.

Đối với 02 (hai) quần vải Jean dài màu xanh; 01 (một) nón kết; 02 (hai) nón bảo hiểm màu đen; 01 (áo) thun tay ngắn màu hồng là trang phục Võ Minh S và Nguyễn Thành N mặc khi thực hiện hành vi Cướp giật tài sản vào ngày 10/01/2024 tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã tịch thu tiêu hủy theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 125/2024/HSST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đối với xe mô tô Biển số: 59L3 - 463.91 là phương tiện Võ Minh S điều khiển chở Nguyễn Thành N đi thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” vào ngày 10/01/2024 tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã tịch thu sung công quỹ theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 125/2024/HSST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Kết luận định giá tài sản số 642/KL-HĐĐG ngày 16/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: một sợi dây chuyền và mặt dây chuyền 18K-60, khối lượng 11 lượng vàng, giá trị tài sản ngày 11/01/2024 giá mua vào: 445.500.000 đồng; giá bán ra: 467.500.000 đồng.

Ông Lê Thành T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc G khi té ngã xuống đường chỉ bị xây sát ngoài da, ông T2 và bà G không nhập viện điều trị, hiện tại vết thương đã lành và không để lại thương tích, ông T2 và bà G không yêu cầu giám định thương tích, mặt khác do ông T2, bà G không nhập viện nên không có tài liệu bệnh án để tiến hành trưng cầu giám định thương tích trên người sống nên Cơ quan điều tra không có căn cứ tiến hành giám định thương tích của ông T2 và bà G để xem xét giải quyết trong vụ án.

Ông Lê Thành T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc G không bị thiệt hại về tài sản nên không yêu cầu Nguyễn Thành N và Võ Minh S bồi thường. Ông T2 và bà G không yêu cầu N và S bồi thường chi phí ông T2 và bà G điều trị thương tích khi N và S giật dây chuyền của ông T2 làm ông T2 và bà G ngã xuống đường. Ông T2 và bà G xin giảm nhẹ hình phạt cho N và S.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành N và Võ Minh S đã khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội, lời khai của N, S phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai nhân chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 28/CT-VKSTPBT ngày 07/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù của bản án số 125/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo Nguyễn Thành N chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Minh S từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo Võ Minh S chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với xe mô tô Biển số: 59L3 - 463.91 là phương tiện Võ Minh S; 02 (hai) quần vải Jean dài màu xanh; 01 (một) nón kết; 02 (hai) nón bảo hiểm màu đen; 01 (áo) thun tay ngắn màu hồng đã xử lý tại bản án 125/2024/HSST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên không đề cập xử lý.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 16 giờ 50 phút ngày 11/01/2024, Nguyễn Thành N và Võ Minh S đã cố ý cùng thực hiện hành vi giật một sợi dây chuyền và mặt dây chuyền 18K-60, khối lượng 11 lượng vàng của ông Lê Thành T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc G do ông T2 đang đeo trên cổ trị giá 445.500.000 đồng tại Đường V thuộc tuyến Quốc lộ F, địa phận ấp P, xã B, thành phố B.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô của bị hại để giật tài sản trên người của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát là hành vi nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi giật một sợi dây chuyền và mặt dây chuyền 18K-60, khối lượng 11 lượng vàng của ông Lê Thành T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc G do ông T2 đang đeo trên cổ trị giá 445.500.000 đồng. Vì vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân xấu, các bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và đã nhiều lần bị kết án. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo sử dụng xe mô tô thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” trên đường giao thông có nhiều phương tiện lưu thông nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là “Người phạm

tội thành khẩn khai báo”, “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo cố ý thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” của bị hại nhưng không chiếm đoạt được tài sản. Do đó, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội chưa đạt” nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Về vai trò đồng phạm, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Võ Minh S là người rủ rê sau đó Nguyễn Thành N và Võ Minh S cùng tham gia với vai trò là người thực hành.

Về tổng hợp hình phạt, các bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt của bản án này để buộc các bị cáo chấp hành chung.

[6] Hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với sợi dây chuyền của các bị hại mà các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt nhưng không lấy được, tài sản không bị hư hại và các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên ghi nhận.

Ghi nhận các vật chứng trong vụ án là xe mô tô Biển số: 59L3 - 463.91 là phương tiện Võ Minh S; 02 (hai) quần vải Jean dài màu xanh; 01 (một) nón kết; 02 (hai) nón bảo hiểm màu đen; 01 (áo) thun tay ngắn màu hồng có liên quan đến vụ án khác và đã được xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[8] Đối với việc các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội làm các bị hại té ngã, trầy xước nhưng các bị hại từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hành vi của các bị cáo nên Cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét xử lý là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành N, Võ Minh S phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù của bản án số 125/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo Nguyễn Thành N chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2024.

1.2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Minh S 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù của bản án số 125/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo Võ Minh S chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2024.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thành N, Võ Minh S mỗi người phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P.15, Q. 8, TPHCM (1b);
- Bị cáo, Bị hại (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình